

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA**

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26/9/2025
V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Trần Khoa

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Tổng Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Giải Mạnh Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 655/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu S** – Sinh năm 1980

Nơi đăng ký thường trú: 62 T, T, phường N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Võ Ngọc C** – Sinh năm 1972

Trú tại: F T, T, phường N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S trình bày:

Bà và ông Võ Ngọc C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa) năm 2001.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên mâu thuẫn do ông C sống vô tâm, không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con, mọi việc đều do một mình bà tự lo lắng, gánh vác. Bà và ông C đã sống ly thân khoảng 04 năm nay. Từ năm 2021 bà đã nộp đơn ly hôn nhưng

sau khi Tòa án hòa giải, bà đã rút đơn về để cho ông C cơ hội thay đổi bản thân và vợ chồng có cơ hội hàn gắn gia đình. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông C cũng không quan tâm lo lắng gì đến vợ con mà đã có tình cảm với người phụ nữ khác. Nay bà thấy không còn tình cảm với ông C nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có 01 con chung là Võ Ngọc Châu T, sinh ngày 20/7/2002, hiện cháu T đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Đối với bị đơn ông Võ Ngọc C: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông C nhưng ông C không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Thu S và ông Võ Ngọc C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thu S được ly hôn với ông Võ Ngọc C; về con chung: bà S và ông C có 01 con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Bà S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu S khởi kiện yêu cầu ly hôn; bị đơn ông Võ Ngọc C trú tại phường N, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu S và ông Võ Ngọc C tự

nguyên chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 24 tháng 11 năm 2001 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa bà S và ông C phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thiếu sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc, chia sẻ cho nhau nên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vợ chồng đã ly thân khoảng 04 năm nay. Bà S xác định không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu ly hôn. Ông C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc, tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ ông C có thái độ bỏ mặc, không còn thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình với bà S

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà S và ông C đã thực sự trầm trọng, việc kéo dài đời sống chung không đem lại hạnh phúc cho hai bên. Do đó, yêu cầu của xin ly hôn của bà S là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu S và ông Võ Ngọc C có 01 con chung là Võ Ngọc Châu T, sinh ngày 20/7/2002, hiện cháu T đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu S được ly hôn ông Võ Ngọc C.
2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu S và ông Võ Ngọc C có 01 con chung là Võ Ngọc Châu T, sinh ngày 20/7/2002, hiện cháu T đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm*

ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004499 ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Khánh Hòa). Bà S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 1 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường N
(GCNKH số 08 ngày 24/11/2001 của UBND
phường V, TP Nha Trang);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quỳnh Trang